

Số: ~~1007~~ /QĐ-UBND

Hà Nội, ngày 09 tháng 3 năm 2020

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc phê duyệt Điều lệ Tổ chức và hoạt động của
Công ty TNHH một thành viên Đầu tư phát triển Thủy lợi Sông Nhuệ**

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật Doanh nghiệp ngày 26/11/2014;

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng vốn nhà nước đầu tư vào sản xuất, kinh doanh tại doanh nghiệp ngày 26/11/2014;

Căn cứ Nghị định số 10/2019/NĐ-CP ngày 30/01/2019 của Chính phủ về phân công, phân cấp thực hiện các quyền, trách nhiệm, nghĩa vụ của chủ sở hữu nhà nước đối với doanh nghiệp nhà nước và vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 19/2014/NĐ-CP ngày 14/3/2014 của Chính phủ ban hành Điều lệ mẫu của công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu;

Căn cứ Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý, sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp; Nghị định số 32/2018/NĐ-CP ngày 08/3/2018 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ;

Căn cứ Nghị định số 97/2015/NĐ-CP ngày 19/10/2015 của Chính phủ về quản lý người giữ chức danh, chức vụ tại doanh nghiệp là công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên mà Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

Căn cứ Quyết định số 3748/QĐ-UBND ngày 30/7/2010 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt và ban hành Điều lệ Tổ chức và hoạt động Công ty TNHH một thành viên Đầu tư phát triển Thủy lợi Sông Nhuệ;

Căn cứ Quyết định số 5079/QĐ-UBND ngày 24/9/2018 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt Đề án tổ chức lại Công ty TNHH một thành viên Đầu tư phát triển Thủy lợi Sông Nhuệ; Quyết định số 5082/QĐ-UBND ngày 24/9/2018 của UBND Thành phố về cơ cấu tổ chức bộ máy Công ty TNHH một thành viên Đầu tư phát triển Thủy lợi Sông Nhuệ;

AL

Căn cứ Quyết định số 4064/QĐ-UBND ngày 30/7/2019 của UBND Thành phố về việc điều chỉnh tăng vốn điều lệ Công ty TNHH một thành viên Đầu tư phát triển Thủy lợi Sông Nhuệ;

Xét đề nghị của: Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 2948/TTr-SNV ngày 29/11/2019 và công văn số 332/SNV-TCBC ngày 18/02/2020; Sở Lao động Thương binh và Xã hội tại công văn số 4398/SLĐTBXH-LĐTLBHXH ngày 31/12/2019; Sở Tài chính tại công văn số 8823/STC-TCDN ngày 27/12/2019; Sở Kế hoạch và Đầu tư tại công văn số 527/KH&ĐT-ĐKKD ngày 11/02/2020; Sở Nông nghiệp và phát triển nông thôn tại công văn số 4279/SNN-TCCB ngày 24/12/2019 và Tờ trình số 3501/TTr-CTSN-TCHC ngày 26/11/2019 của Công ty TNHH một thành viên Đầu tư phát triển Thủy lợi Sông Nhuệ về việc phê duyệt Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty TNHH một thành viên Đầu tư phát triển Thủy lợi Sông Nhuệ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty TNHH một thành viên Đầu tư phát triển Thủy lợi Sông Nhuệ gồm 11 Chương, 41 Điều.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành từ ngày ký và thay thế Quyết định số 3478/QĐ-UBND ngày 30/7/2010 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty TNHH một thành viên Đầu tư phát triển Thủy lợi Sông Nhuệ.

Điều 3. Chánh Văn phòng UBND Thành phố; Giám đốc các Sở: Nội vụ, Tài chính, Kế hoạch và Đầu tư, Lao động Thương binh và Xã hội, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; Chủ tịch, Tổng Giám đốc Công ty TNHH một thành viên Đầu tư phát triển Thủy lợi Sông Nhuệ và Thủ trưởng các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. /.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
 - Chủ tịch UBND Thành phố;
 - PCT TT UBND TP Nguyễn Văn Sửu;
 - PCT UBND TP Nguyễn Doãn Toàn;
 - VPUB: PCVP Võ Tuấn Anh,
Phạm Văn Chiến,
 - KT, NC, TH, TK-BT.
 - Lưu: VT.
- 5428-12

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Doãn Toàn

**ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN MỘT THÀNH VIÊN
ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN THỦY LỢI SÔNG NHUỆ**
(Ban hành kèm theo Quyết định số ~~1007~~/QĐ-UBND
ngày 09 / 3 /2020 của UBND thành phố Hà Nội)

**CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Tên và trụ sở Công ty

1. Tên công ty

- Tên gọi đầy đủ tiếng Việt: Công ty TNHH một thành viên Đầu tư phát triển Thủy lợi Sông Nhuệ

- Tên viết tắt: Công ty Đầu tư phát triển Thủy lợi Sông Nhuệ

2. Trụ sở công ty

- Trụ sở chính của Công ty: Tầng 4, 5 Toà New House, Khu đô thị Xa la, phường Phúc La, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

- Điện thoại: 02433.547247; 02433.540.990

- Fax: 02433.547894

- Email: songnhue2015@gmail.com

3. Các đơn vị trực thuộc

3.1. Xí nghiệp Thủy lợi Hồng Vân

Trụ sở: Xã Ninh Sở, huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội

Điện thoại: 02433.759731 Fax: 02433.759731

3.2. Xí nghiệp Thủy lợi Phú Xuyên

Trụ sở: Thị trấn Phú Xuyên, huyện Phú Xuyên, thành phố Hà Nội

Điện thoại: 04233.854246 Fax: 02433.855033

3.3. Xí nghiệp Thủy lợi Ứng Hòa

Trụ sở: Thị trấn Vân Đình, huyện Ứng Hòa, thành phố Hà Nội

Điện thoại: 024333.882252 Fax: 02433.882868

3.4. Xí nghiệp Thủy lợi Thanh Trì

Trụ sở: Thôn Lạc Thị, xã Ngọc Hồi, huyện Thanh Trì, thành phố Hà Nội

Điện Thoại: 0243.36811502

3.5. Xí nghiệp Thủy lợi Liên Mạc

Trụ sở: Thôn Tân Phong, phường Thụy Phương, quận Bắc Từ Liêm, thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 0243.389282

3.6. Xí nghiệp Thủy lợi Hà Đông

Trụ sở: Thôn Đồng Nhân, xã Đông La, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 0243.3540890

3.7. Xí nghiệp Thủy lợi Nhật Tựu

Trụ sở: Thôn Tam Giáp, xã Duy Hải, huyện Duy Tiên, tỉnh Hà Nam

Điện thoại: 022.63835077

3.8. Xí nghiệp Thủy lợi Từ Liêm

Trụ sở: Số 11, đường Tân Nhuệ, phường Thụy Phương, quận Nam Từ Liêm, thành phố Hà Nội

Điện thoại: 0243.22186429

3.9. Xí nghiệp Tư vấn xây dựng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Trụ sở: Tầng 4 – Tòa nhà New House, Khu đô thị Xa La, phường Phúc La, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội

4. Các phòng, ban chuyên môn nghiệp vụ thuộc Công ty

- Phòng Tổ chức - Hành chính
- Phòng Tài chính kế toán
- Phòng Quản lý nước và Công trình
- Phòng Kế hoạch - Kỹ thuật

Trong quá trình hoạt động, tùy theo nhu cầu phát triển, Công ty có thể thành lập thêm hoặc tiếp nhận các đơn vị khác ngoài Công ty theo quy định của Nhà nước và Thành phố.

Điều 2. Hình thức pháp lý và tư cách pháp nhân

1. Công ty TNHH một thành viên Đầu tư phát triển Thủy lợi Sông Nhuệ là doanh nghiệp 100% vốn Nhà nước do UBND thành phố Hà Nội đầu tư và thành lập, được tổ chức và hoạt động theo quy định của Pháp luật, Luật doanh nghiệp ngày 26/11/2014 và Điều lệ này.

2. Công ty TNHH một thành viên Đầu tư phát triển Thủy lợi Sông Nhuệ có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, được mở tài khoản tiền đồng Việt Nam và ngoại tệ tại các Ngân hàng trong nước và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Vốn điều lệ và việc điều chỉnh vốn Điều lệ Công ty

1. Vốn điều lệ

Vốn điều lệ của Công ty TNHH một thành viên Đầu tư phát triển Thủy lợi Sông Nhuệ là: 2.155.000.000.000 đồng (Bằng chữ: Hai ngàn một trăm năm mươi lăm tỷ đồng).

2. Điều chỉnh vốn điều lệ

- Việc điều chỉnh vốn điều lệ của Công ty do Chủ sở hữu công ty quyết định theo quy định của pháp luật.

- Khi được điều chỉnh vốn điều lệ, Công ty phải đăng ký lại với cơ quan đăng ký kinh doanh và công bố vốn điều lệ đã điều chỉnh theo quy định của pháp luật.

Điều 4. Đại diện theo pháp luật

Người Đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH một thành viên Đầu tư

phát triển Thủy lợi Sông Nhuệ là: Chủ tịch công ty.

Điều 5. Cơ quan đại diện Chủ sở hữu công ty

- Cơ quan đại diện chủ sở hữu công ty: UBND thành phố Hà Nội.
- Địa chỉ: Số 79, phố Đinh Tiên Hoàng, phường Lý Thái Tổ, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Điều 6. Thời gian hoạt động

- Công ty TNHH một thành viên Đầu tư phát triển Thủy lợi Sông Nhuệ hoạt động kể từ ngày được cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

- Thời gian hoạt động của Công ty TNHH một thành viên Đầu tư phát triển Thủy lợi Sông Nhuệ do Chủ sở hữu công ty quyết định.

Điều 7. Mục tiêu, ngành, nghề kinh doanh và phạm vi hoạt động

1. Mục tiêu

1.1. Sản xuất kinh doanh có lãi, sử dụng hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn Chủ sở hữu đầu tư tại Công ty và vốn của công ty đầu tư vào các doanh nghiệp khác.

1.2. Đảm bảo việc làm cho người lao động và lợi ích của Công ty theo quy định của pháp luật.

1.3. Hoàn thành các nhiệm vụ do Chủ sở hữu công ty giao.

2. Ngành nghề kinh doanh

TT	Tên ngành nghề	Mã ngành
1	Hoạt động dịch vụ trồng trọt: Tưới, tiêu nước phục vụ sản xuất nông nghiệp và dân sinh, kinh tế;	0161
2	Sản xuất đồ uống không cồn, nước khoáng: Sản xuất nước sạch nông thôn;	1104
3	Gia công cơ khí, xử lý và tráng phủ kim loại;	2592
4	Sửa chữa máy móc, thiết bị: Sửa chữa thiết bị thủy lợi;	3312
5	Sửa chữa thiết bị điện: Sửa chữa thiết bị cơ điện;	3314
6	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác: Xây dựng dân dụng, nông nghiệp và phát triển nông thôn;	4299
7	Bán buôn đồ uống: Cung cấp nước sạch nông thôn;	4633
8	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Tư vấn: Thiết kế, xây dựng dân dụng, giao thông, thủy lợi;	7110
9	Điều hành tua du lịch: Dịch vụ du lịch, du lịch sinh thái;	7912
	Kinh doanh các ngành nghề khác theo quy định của pháp luật trên cơ sở quyết định của Chủ sở hữu công ty.	

3. Phạm vi hoạt động

Công ty TNHH một thành viên Đầu tư phát triển Thủy lợi Sông Nhuệ hoạt động trên phạm vi lãnh thổ Việt Nam theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Điều 8. Quản lý nhà nước đối với Công ty

Công ty TNHH một thành viên Đầu tư phát triển Thủy lợi Sông Nhuệ chịu sự quản lý nhà nước theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Tổ chức chính trị và tổ chức chính trị - xã hội

1. Tổ chức chính trị, tổ chức chính trị xã hội trong Công ty hoạt động trong khuôn khổ Hiến pháp, pháp luật và theo Điều lệ của tổ chức mình phù hợp với quy định của pháp luật.

2. Công ty có nghĩa vụ tôn trọng, tạo điều kiện thuận lợi để người lao động thành lập và tham gia hoạt động trong các tổ chức quy định tại khoản 1 Điều này.

CHƯƠNG II

QUYỀN HẠN VÀ NGHĨA VỤ CỦA CÔNG TY

Điều 10. Quyền của Công ty đối với vốn và tài sản

1. Quản lý, sử dụng vốn và tài sản của công ty để kinh doanh, thực hiện các lợi ích hợp pháp từ vốn và tài sản của Công ty.

2. Được quyền quyết định đối với vốn và tài sản của công ty theo quy định của pháp luật và Điều lệ hoạt động của Công ty.

3. Sử dụng và quản lý tài sản nhà nước giao, cho thuê là đất đai, tài nguyên theo quy định của pháp luật về đất đai, tài nguyên.

4. Chủ sở hữu công ty không điều chuyển vốn nhà nước đầu tư tại công ty và vốn, tài sản của công ty theo phương thức không thanh toán.

5. Có quyền chiếm hữu, sử dụng và định đoạt đối với tên gọi, biểu tượng, thương hiệu của công ty theo quy định của pháp luật.

6. Thực hiện các quyền khác của Công ty đối với vốn và tài sản theo quy định của pháp luật.

Điều 11. Quyền kinh doanh của Công ty

1. Tự chủ trong việc tổ chức sản xuất, kinh doanh, tổ chức bộ máy quản lý theo yêu cầu kinh doanh và bảo đảm kinh doanh có hiệu quả.

2. Kinh doanh những ngành, nghề ghi trong giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; mở rộng quy mô kinh doanh theo khả năng của Công ty và nhu cầu của thị trường trong nước.

3. Tìm kiếm thị trường, khách hàng trong nước, ngoài nước; tổ chức ký kết và thực hiện hợp đồng.

4. Tự quyết định giá mua, giá bán sản phẩm, dịch vụ, trừ những sản phẩm, dịch vụ công ích và những sản phẩm, dịch vụ do Nhà nước định giá thì theo mức giá hoặc khung giá do Nhà nước quy định.

5. Quyết định các dự án đầu tư theo quy định của pháp luật về đầu tư; sử dụng vốn, tài sản của công ty để liên doanh, liên kết, góp vốn vào doanh nghiệp khác trong nước; thuê, mua một phần hoặc toàn bộ công ty khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

6. Quyết định các dự án đầu tư ra ngoài Công ty sau khi đã được chủ sở hữu phê duyệt chủ trương.

7. Sử dụng vốn của Công ty hoặc vốn huy động để tham gia đầu tư thành lập Công ty khác sau khi được Chủ sở hữu công ty chấp thuận.

8. Mở chi nhánh, văn phòng đại diện ở trong nước, nước ngoài theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

9. Xây dựng, áp dụng các định mức lao động, vật tư, đơn giá tiền lương và chi phí khác trên cơ sở bảo đảm hiệu quả kinh doanh của Công ty và phù hợp với quy định của pháp luật.

10. Tuyển chọn, bố trí, sử dụng, đào tạo, khen thưởng, xử lý vi phạm kỷ luật, chấm dứt hợp đồng lao động đối với lao động, lựa chọn các hình thức trả lương, thưởng; xây dựng, ban hành thang lương, bảng lương, phụ cấp lương phù hợp với yêu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty và phù hợp với các quy định của pháp luật về lao động.

11. Quyết định cử cán bộ công nhân viên Công ty đi công tác nước ngoài theo quy định của Nhà nước và Thành phố.

12. Có các quyền kinh doanh khác theo nhu cầu thị trường phù hợp với quy định của pháp luật.

Điều 12. Quyền về tài chính của công ty

1. Huy động vốn để kinh doanh dưới hình thức: Vay vốn của tổ chức ngân hàng, tín dụng và các tổ chức tài chính khác, của cá nhân, tổ chức ngoài công ty; vay vốn của người lao động và các hình thức huy động vốn khác theo quy định của pháp luật.

Việc huy động vốn để kinh doanh phải có phương án được chủ sở hữu phê duyệt đảm bảo khả năng thanh toán nợ, tự chịu trách nhiệm hoàn trả, bảo đảm hiệu quả sử dụng vốn huy động, không được làm thay đổi hình thức sở hữu công ty.

2. Chủ động sử dụng vốn cho hoạt động kinh doanh của Công ty; cho vay vốn theo quy định pháp luật; được thành lập, sử dụng và quản lý các quỹ của công ty theo quy định của pháp luật.

3. Được quyết định chi phí tiền lương và các chi phí khác trên cơ sở kết quả từ hoạt động kinh doanh của Công ty theo quy định của pháp luật.

4. Quyết định trích khấu hao tài sản cố định theo nguyên tắc mức trích khấu hao tối thiểu phải bảo đảm bù đắp hao mòn hữu hình, hao mòn vô hình của tài sản cố định theo quy định của pháp luật.

5. Được hưởng các chế độ trợ cấp, trợ giá hoặc các chế độ ưu đãi khác của Nhà nước khi thực hiện các nhiệm vụ hoạt động công ích, quốc phòng, an ninh, phòng chống thiên tai hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ theo chính sách giá của Nhà nước mà doanh thu không đủ bù đắp chi phí sản xuất sản phẩm, dịch vụ này của công ty.

6. Được chi thưởng sáng kiến đổi mới, cải tiến kỹ thuật, quản lý và công nghệ; thưởng tăng năng suất lao động; thưởng tiết kiệm vật tư và chi phí theo quy định của pháp luật.

7. Được hưởng các chế độ ưu đãi đầu tư, tái đầu tư theo quy định của pháp luật.

8. Được từ chối và tố cáo mọi yêu cầu cung cấp các nguồn lực không được pháp luật quy định của bất kỳ cá nhân, cơ quan hay tổ chức nào, trừ những khoản tự nguyện đóng góp vì mục đích nhân đạo và công ích.

9. Thực hiện các quyền khác về tài chính theo quy định của pháp luật.

Điều 13. Nghĩa vụ của công ty về vốn và tài sản

1. Bảo toàn và phát triển vốn chủ sở hữu đầu tư tại Công ty và vốn Công ty tự huy động; chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi vốn điều lệ của công ty.

2. Đánh giá lại tài sản của công ty theo quy định của pháp luật.

3. Thực hiện các nghĩa vụ khác của công ty về vốn và tài sản theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Nghĩa vụ trong kinh doanh của công ty

1. Kinh doanh đúng ngành, nghề đã đăng ký; bảo đảm chất lượng sản phẩm và dịch vụ do Công ty thực hiện theo tiêu chuẩn đã đăng ký.

2. Đổi mới, hiện đại hoá công nghệ và phương thức quản lý để nâng cao hiệu quả và khả năng cạnh tranh.

3. Bảo đảm quyền và lợi ích của người lao động theo quy định của pháp luật về lao động, bảo đảm quyền tham gia quản lý công ty của người lao động quy định tại Chương VI của Điều lệ này.

4. Tuân thủ các quy định của Nhà nước về quốc phòng, an ninh, văn hoá, trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ tài nguyên và môi trường.

5. Thực hiện chế độ kế toán, kiểm toán và báo cáo tài chính, báo cáo thống kê theo quy định của pháp luật và theo yêu cầu của Chủ sở hữu công ty.

6. Chịu sự giám sát, kiểm tra của Chủ sở hữu công ty hoặc cơ quan được Chủ sở hữu công ty uỷ quyền; chấp hành các quyết định về thanh tra của cơ quan tài chính và cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

7. Chịu trách nhiệm trước Chủ sở hữu công ty về việc sử dụng vốn để đầu tư thành lập doanh nghiệp khác hoặc đầu tư vào doanh nghiệp khác.

8. Sử dụng tổng nguồn vốn đầu tư vào các hoạt động trong các lĩnh vực thuộc ngành nghề kinh doanh chính của Công ty. Tổng mức đầu tư ra ngoài Công ty (bao gồm đầu tư ngắn hạn và dài hạn) không vượt quá vốn điều lệ của Công ty.

9. Công ty phải xây dựng Quy chế quản lý và sử dụng tài sản để xác định rõ trách nhiệm của từng khâu trong công tác quản lý; tổ chức hạch toán phản ánh đầy đủ, chính xác, kịp thời; tổ chức kiểm kê, đối chiếu theo định kỳ hoặc theo yêu cầu của Chủ sở hữu; thực hiện đầu tư tài sản cố định, quản lý, sử dụng tài sản theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

10. Thực hiện các nghĩa vụ khác của Công ty về kinh doanh theo quy định của pháp luật.

Điều 15. Nghĩa vụ về tài chính của Công ty

1. Kinh doanh có lãi, bảo toàn và phát triển vốn nhà nước; đăng ký, kê khai và nộp thuế theo quy định; thực hiện nghĩa vụ đối với Chủ sở hữu công ty và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.

2. Quản lý, sử dụng có hiệu quả vốn kinh doanh bao gồm cả phần vốn đầu tư vào công ty khác (nếu có); quản lý, sử dụng có hiệu quả tài nguyên, đất đai và các nguồn lực khác do Chủ sở hữu công ty giao, cho thuê.

3. Sử dụng vốn và các nguồn lực khác để thực hiện các nhiệm vụ đặc biệt khác khi Nhà nước yêu cầu.

4. Chấp hành đầy đủ chế độ quản lý vốn, tài sản, các quỹ, chế độ hạch toán kế toán, kiểm toán theo quy định của pháp luật; chịu trách nhiệm về tính trung thực và hợp pháp đối với các hoạt động tài chính của công ty.

5. Thực hiện các nghĩa vụ khác được quy định tại quy chế quản lý tài chính của Công ty và các quy định của pháp luật.

Điều 16. Quyền và nghĩa vụ của Công ty khi tham gia hoạt động công ích

Ngoài các quyền và nghĩa vụ của Công ty quy định tại các Điều 10, 11, 12, 13, 14, 15 của Điều lệ này, khi tham gia hoạt động công ích, công ty có các quyền và nghĩa vụ sau đây:

1. Sản xuất, cung ứng các sản phẩm, dịch vụ công ích trên cơ sở đấu thầu hoặc giao nhiệm vụ. Đối với hoạt động công ích theo đặt hàng, giao kế hoạch của Nhà nước thì công ty có nghĩa vụ tiêu thụ sản phẩm, cung ứng dịch vụ công ích đúng đối tượng, đủ số lượng, đúng chất lượng và thời hạn đã cam kết theo giá hoặc phí do cơ quan nhà nước có thẩm quyền quy định.

2. Chịu trách nhiệm trước Nhà nước về kết quả hoạt động công ích của công ty; chịu trách nhiệm trước khách hàng, trước pháp luật về sản phẩm, dịch vụ công ích do công ty thực hiện.

3. Xây dựng, áp dụng các định mức chi phí, đơn giá tiền lương trong giá thực hiện thầu do Nhà nước đặt hàng hoặc giao kế hoạch.

4. Thực hiện các nghĩa vụ khác của Công ty theo quy định của pháp luật về sản xuất và cung ứng sản phẩm, dịch vụ công ích.

CHƯƠNG III

QUYỀN, TRÁCH NHIỆM VÀ NGHĨA VỤ CỦA CHỦ SỞ HỮU CÔNG TY

Điều 17. Quyền, trách nhiệm và nghĩa vụ

1. Quyền, trách nhiệm

1.1. Quyết định thành lập, mục tiêu, nhiệm vụ và ngành nghề kinh doanh của công ty, phê duyệt chủ trương thành lập, tổ chức lại, giải thể chi nhánh, văn phòng đại diện và các đơn vị hạch toán phụ thuộc khác của công ty; phê duyệt điều lệ, sửa đổi và bổ sung điều lệ của công ty trên cơ sở đề nghị của Chủ tịch công ty và các ngành có liên quan.

1.2. Tổ chức thực hiện sắp xếp, đổi mới các công ty sau khi trình và được chủ sở hữu phê duyệt đề án tổng thể.

1.3. Quyết định vốn điều lệ và điều chỉnh vốn điều lệ trong quá trình hoạt động của công ty.

1.4. Phê duyệt chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển dài hạn và hàng năm của công ty trên cơ sở đề nghị của Chủ tịch công ty và các ngành có liên quan.

1.5. Phê duyệt chủ trương góp vốn, nắm giữ, tăng, giảm vốn của công ty tại các doanh nghiệp khác; việc tiếp nhận doanh nghiệp tự nguyện tham gia làm công ty con, công ty liên kết trên cơ sở đề nghị của Chủ tịch công ty và các ngành có liên quan.

1.6. Phê duyệt các dự án đầu tư, chủ trương vay, cho vay, mua, bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 50% vốn điều lệ của công ty trên cơ sở đề nghị của Chủ tịch công ty và các ngành có liên quan.

1.7. Phê duyệt chủ trương đối với các dự án đầu tư ra ngoài công ty; góp vốn đầu tư vào doanh nghiệp khác; thay đổi cơ cấu sở hữu của công ty con làm mất quyền chi phối của công ty trên cơ sở đề nghị của Chủ tịch công ty và các ngành có liên quan.

1.8. Quyết định cơ cấu tổ chức quản lý Công ty; bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, từ chức, điều động, luân chuyển, cách chức, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng, khen thưởng, kỷ luật, quyết định mức tiền lương, tiền thưởng và các lợi ích khác của Chủ tịch, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và Kiểm soát viên Công ty; quỹ lương hàng năm của viên chức quản lý công ty; quyết định cử người tham gia quản lý phần vốn của Nhà nước tại doanh nghiệp khác trên cơ sở đề nghị của Chủ tịch công ty và các ngành có liên quan.

1.9. Phê duyệt báo cáo tài chính hàng năm, phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ của Công ty.

1.10. Quyết định điều chỉnh vốn điều lệ của Công ty; chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ của Công ty cho tổ chức, cá nhân khác trên cơ sở đề nghị của Chủ tịch công ty và các ngành có liên quan.

1.11. Chủ sở hữu công ty quyết định góp vốn liên doanh với nhà đầu tư nước ngoài tại Việt Nam; đầu tư hoặc góp vốn thành lập doanh nghiệp ở nước ngoài; quyết định việc mua lại doanh nghiệp thuộc thành phần kinh tế khác; đầu tư vào doanh nghiệp được thành lập để thực hiện chủ yếu, thường xuyên, ổn định các sản phẩm, dịch vụ công ích, phục vụ quốc phòng, an ninh; quyết định dự án đầu tư tài chính khác còn lại không thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch công ty.

1.12. Thu hồi toàn bộ giá trị tài sản của công ty sau khi Công ty hoàn thành giải thể hoặc phá sản.

1.13. Thực hiện giám sát kiểm tra và thường xuyên thanh tra việc chấp hành pháp luật; việc quản lý, sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn; việc thực hiện chiến lược, kế hoạch; việc thực hiện chế độ tuyển dụng, tiền lương, tiền thưởng của Công ty. Đánh giá việc thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ, ngành, nghề kinh doanh được giao và kết quả hoạt động, hiệu quả sản xuất kinh doanh của Công ty. Đánh giá đối với Chủ tịch công ty, Kiểm soát viên, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng trong việc quản lý điều hành Công ty.

1.14. Tổ chức kiểm tra việc chấp hành và thực hiện các quyết định của Chủ sở hữu công ty; việc thực hiện Điều lệ Công ty; các quyền và nghĩa vụ của công ty theo quy định của pháp luật.

1.15. Thực hiện các quyền, trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

2. Nghĩa vụ

2.1. Đầu tư đủ vốn điều lệ cho công ty

2.2. Tuân thủ Điều lệ của Công ty

2.3. Chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi số vốn điều lệ của Công ty; xác định và tách biệt tài sản của Chủ sở hữu và tài sản của Công ty.

2.4. Tuân thủ pháp luật khi phê duyệt chủ trương đầu tư, mua, bán tài sản và hợp đồng vay, cho vay của Công ty.

2.5. Bảo đảm quyền kinh doanh theo pháp luật của Công ty.

2.6. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật.

Điều 18. Hạn chế đối với quyền của Chủ sở hữu công ty

1. Chủ sở hữu công ty chỉ được quyền rút vốn bằng cách chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ số vốn điều lệ cho tổ chức hoặc cá nhân khác. Trường hợp rút một phần hoặc toàn bộ vốn đã góp ra khỏi Công ty dưới hình thức khác thì Chủ sở hữu công ty phải liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty.

2. Không được rút lợi nhuận của Công ty khi Công ty không thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả.

3. Các hạn chế khác theo quy định của pháp luật.

CHƯƠNG IV

TỔ CHỨC QUẢN LÝ VÀ ĐIỀU HÀNH CÔNG TY

Điều 19. Cơ cấu tổ chức quản lý

1. Chủ tịch công ty;
2. Tổng Giám đốc;
3. Các Phó Tổng Giám đốc;
4. Kiểm soát viên;
5. Kế toán trưởng;
6. Các phòng chuyên môn nghiệp vụ;
7. Các đơn vị phụ thuộc Công ty.

Điều 20. Chủ tịch công ty

Chủ tịch công ty do Chủ sở hữu công ty quyết định và bổ nhiệm.

Chủ tịch công ty là Chủ tài khoản.

1. Chức năng

Chủ tịch công ty thực hiện chức năng quản lý Công ty là đại diện Chủ sở hữu trực tiếp tại Công ty, nhân danh Chủ sở hữu công ty tổ chức thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ sở hữu công ty; thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty theo quy định của Điều lệ này. Chủ tịch công ty chịu trách nhiệm trước Chủ sở hữu công ty và pháp luật về việc thực hiện quyền và nhiệm vụ được giao.

2. Quyền và nhiệm vụ của Chủ tịch công ty

2.1. Nhận vốn, tài sản, đất đai, tài nguyên và các nguồn lực khác do Chủ sở hữu công ty giao hoặc đầu tư cho Công ty; chịu trách nhiệm trước Chủ sở hữu về việc quản lý sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn có hiệu quả; sử dụng đất đai, tài nguyên và các nguồn lực khác được giao theo quy định của pháp luật và quy định

của Chủ sở hữu; chịu trách nhiệm trước Chủ sở hữu công ty về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo mục tiêu, kế hoạch được Chủ sở hữu giao.

2.2. Đề nghị Chủ sở hữu công ty: Bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, cách chức, khen thưởng, kỷ luật, quyết định mức tiền lương, tiền thưởng và các lợi ích hợp pháp khác đối với Chủ tịch, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kiểm soát viên, Kế toán trưởng Công ty; cử người tham gia quản lý phần vốn góp của Công ty tại doanh nghiệp khác.

2.3. Căn cứ vào chấp thuận của Chủ sở hữu công ty, quyết định mục tiêu, chiến lược phát triển, kế hoạch dài hạn của Công ty và giải pháp phát triển thị trường tiếp thị và công nghệ trên cơ sở đề nghị của Tổng Giám đốc công ty.

2.4. Phê duyệt kế hoạch tài chính dài hạn và hàng năm của Công ty trên cơ sở đề nghị của Tổng Giám đốc Công ty; thực hiện công khai báo cáo tài chính theo quy định hiện hành của nhà nước

2.5. Tổ chức xây dựng, chỉ đạo thực hiện mục tiêu, chiến lược phát triển, kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển 5 năm và hàng năm của công ty sau khi được Chủ sở hữu công ty phê duyệt.

2.6. Quyết định các giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ

2.7. Ban hành và giám sát thực hiện các định mức, tiêu chuẩn kinh tế, kỹ thuật; tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, nhãn hiệu hàng hoá, giá thành sản phẩm và dịch vụ. Quyết định kế hoạch sử dụng lao động, đơn giá tiền lương, thang lương, bảng lương, phụ cấp lương, hệ thống tiền lương theo vị trí công việc, quỹ tiền lương kế hoạch, quỹ tiền lương thực hiện của Công ty.

2.8. Quyết định việc góp vốn, nắm giữ, tăng giảm vốn của Công ty tại các doanh nghiệp khác; việc tiếp nhận công ty con, Công ty liên kết sau khi được Chủ sở hữu công ty phê duyệt chủ trương. Quyết định các phương án huy động vốn có giá trị không vượt quá 50% vốn điều lệ của Công ty.

2.9. Quyết định các dự án đầu tư, các hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và hợp đồng khác có giá trị từ 30% đến dưới 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của Công ty.

2.10. Quyết định các dự án đầu tư ra ngoài công ty và góp vốn đầu tư vào doanh nghiệp khác; cử người đại diện phần vốn góp của Công ty tại doanh nghiệp khác sau khi đã được Chủ sở hữu công ty phê duyệt chủ trương.

2.11. Đề nghị chủ sở hữu điều chỉnh vốn điều lệ; sửa đổi, bổ sung điều lệ công ty; tổ chức lại, chuyển đổi sở hữu, giải thể và yêu cầu phá sản công ty.

2.12. Quyết định thành lập mới, tổ chức lại, giải thể chi nhánh, văn phòng đại diện và các đơn vị hạch toán phụ thuộc khác sau khi đề nghị và được chủ sở hữu phê duyệt chủ trương. Quyết định biên chế phòng ban chuyên môn và đơn vị trực thuộc Công ty, phương án tổ chức kinh doanh; quy định các quy chế quản lý nội bộ của công ty (quy chế đào tạo tuyển dụng, sử dụng và sa thải lao động, quy chế làm việc của Công ty, quy chế nâng bậc, nâng ngạch lương, quy chế trả lương, thưởng; quy chế kiểm tra, giám sát nội bộ; quy chế quản lý tài chính nội bộ; quy chế về công tác cán bộ; quy chế thực hiện dân chủ ở doanh nghiệp...)

2.13. Quyết định việc tuyển chọn để bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, cách chức, khen thưởng, kỷ luật, quyết định mức tiền lương, tiền thưởng và các lợi ích khác đối với Trưởng, phó các đơn vị trực thuộc Công ty; đối với cấp Phó các phòng, ban, đơn vị và tương đương có thể ủy quyền cho Tổng Giám đốc. Quyết định cử người đại diện quản lý phần vốn góp của Công ty tại doanh nghiệp khác (trừ trường hợp doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài) trên cơ sở đề nghị của Tổng Giám đốc. Quyết định việc tuyển dụng, sắp xếp lao động hoặc ủy quyền cho Tổng Giám đốc ký quyết định tuyển dụng lao động.

2.14. Kiểm tra, giám sát Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng phòng Công ty và Trưởng các đơn vị phụ thuộc trong việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ của mình.

2.15. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm; phương án sử dụng lợi nhuận sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của công ty; phương án sử lý các khoản lỗ trong quá trình kinh doanh; thực hiện việc công bố công khai các báo cáo tài chính theo quy định.

2.16. Phê duyệt báo cáo tài chính, phương án phân phối lợi nhuận, trích lập và sử dụng các quỹ sau khi được Chủ sở hữu công ty chấp thuận.

2.17. Báo cáo Chủ sở hữu công ty về kết quả và tình hình hoạt động kinh doanh của công ty; đề xuất, kiến nghị Chủ sở hữu xem xét, giải quyết các vấn đề quan trọng khác của Công ty.

2.18. Thực hiện sắp xếp đổi mới doanh nghiệp sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt đề án tổng duyệt.

2.19. Tổ chức thực hiện các quyết định của Chủ sở hữu công ty.

2.20. Chịu sự kiểm tra, giám sát của Chủ sở hữu công ty và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

2.21. Báo cáo Chủ sở hữu công ty quyết định các vấn đề được quy định tại Khoản 1 Điều 17 của Điều lệ này.

2.22. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Nghĩa vụ của Chủ tịch công ty

3.1. Tuân thủ pháp luật, Điều lệ Công ty, quyết định của Chủ sở hữu công ty trong việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

3.2. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của công ty và Chủ sở hữu.

3.3. Trung thành với lợi ích của Công ty và Chủ sở hữu. Không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của Công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

3.4. Chủ tịch Công ty có nghĩa vụ thông báo kịp thời, đầy đủ và chính xác cho Công ty về các doanh nghiệp mà Chủ tịch công ty và người có liên quan (theo quy định của pháp luật) của Chủ tịch công ty làm chủ hoặc có cổ phần, vốn góp chi phối. Thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính và các chi nhánh của Công ty.

3.5. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

4. Tiêu chuẩn

Tiêu chuẩn của Chủ tịch công ty thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước và Thành phố về công tác cán bộ.

5. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, xử lý vi phạm và hình thức kỷ luật

5.1. Bổ nhiệm: Chủ tịch công ty do Chủ sở hữu quyết định bổ nhiệm. Thời hạn bổ nhiệm là 05 năm. Chủ tịch công ty được xem xét, bổ nhiệm lại nếu hoàn thành nhiệm vụ do Chủ sở hữu công ty giao.

5.2. Miễn nhiệm: Chủ tịch công ty do Chủ sở hữu công ty quyết định miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- Vi phạm pháp luật đến mức bị truy tố hoặc vi phạm các quy định về các trường hợp bị miễn nhiệm;
- Quyết định vượt quá thẩm quyền được quy định trong Điều lệ này và vi phạm các quy định của nhà nước dẫn đến hậu quả nghiêm trọng đối với hoạt động của Công ty;
- Bị mất, hạn chế năng lực hành vi dân sự, xin từ chức hoặc có quyết định điều chuyển, bố trí công tác khác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

5.3. Xử lý vi phạm và hình thức kỷ luật.

Chủ sở hữu thực hiện các hình thức kỷ luật như khiển trách, cảnh cáo, hạ bậc lương, cách chức, buộc thôi việc và quyết định mức lương và các lợi ích khác đối với Chủ tịch công ty nếu vi phạm các quy định sau:

- Không nộp, nộp không đầy đủ, không đúng hạn các báo cáo theo quy định của cơ quan có thẩm quyền và của chủ sở hữu; nội dung báo cáo không trung thực, không đầy đủ; không thực hiện chế độ công khai thông tin tài chính đúng thời gian, đúng các nội dung quy định thì bị kỷ luật khiển trách hoặc cảnh cáo tùy theo mức độ vi phạm.
- Không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ các ý kiến chỉ đạo, khuyến nghị, giải pháp của chủ sở hữu và cơ quan quản lý nhà nước về tài chính doanh nghiệp, để doanh nghiệp bị thua lỗ, mất vốn Nhà nước, hoặc tình hình tài chính của doanh nghiệp lâm vào tình trạng khó khăn, công tác quản lý tài chính của doanh nghiệp yếu kém thì bị kỷ luật hạ bậc lương hoặc buộc thôi việc.
- Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

6. Quyền lợi

Chủ tịch công ty được hưởng tiền lương, tiền thưởng và các lợi ích khác theo quy định hiện hành của Nhà nước và Thành phố.

Điều 21. Tổng Giám đốc công ty

Tổng Giám đốc công ty là người điều hành hoạt động hàng ngày của công ty theo mục tiêu, kế hoạch phù hợp với Điều lệ công ty và các quyết định của Chủ sở hữu công ty, Chủ tịch công ty; chịu trách nhiệm trước Chủ sở hữu công ty, Chủ tịch công ty và trước pháp luật về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

1. Nhiệm vụ, quyền hạn của Tổng Giám đốc

1.1. Quản lý, sử dụng vốn, đất đai, tài nguyên và các nguồn lực khác do Chủ tịch công ty giao; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch công ty và Chủ sở hữu về việc

bảo toàn, phát triển vốn và sử dụng có hiệu quả đất đai, tài nguyên và các nguồn lực được giao theo phân cấp của Chủ tịch công ty và quy định của pháp luật; chịu trách nhiệm trước Chủ tịch công ty và Chủ sở hữu về kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo mục tiêu, kế hoạch được giao.

1.2. Tổ chức thực hiện mục tiêu, chiến lược phát triển, kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch đầu tư phát triển 5 năm và hàng năm; các giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ của Công ty đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; thực hiện công khai báo cáo tài chính theo quy định hiện hành của nhà nước.

1.3. Quyết định giá mua, giá bán sản phẩm và dịch vụ, ký kết các hợp đồng dân sự và hợp đồng kinh tế theo phân cấp ủy quyền của Chủ tịch công ty; quyết định các dự án đầu tư, hợp đồng mua, bán, vay, cho vay và các hợp đồng khác có giá trị dưới 30% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất.

1.4. Xây dựng và tổ chức thực hiện các định mức lao động, tiêu chuẩn kinh tế, kỹ thuật; tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm, nhãn hiệu hàng hoá, giá thành sản phẩm và dịch vụ; đơn giá tiền lương, thang lương, bảng lương, phụ cấp lương, kế hoạch sử dụng lao động của công ty đã được Chủ tịch công ty phê duyệt; thực hiện phân phối tiền lương cho người lao động theo quy chế trả lương của Công ty. Định kỳ báo cáo Chủ tịch công ty tình hình lao động, tiền lương, tiền thưởng của Công ty.

1.5. Xây dựng phương án đầu tư, góp vốn thành lập mới, tổ chức lại các doanh nghiệp khác trình Chủ tịch công ty để báo cáo Chủ sở hữu công ty quyết định theo quy định của pháp luật; tổ chức thực hiện các phương án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

1.6. Xây dựng phương án và tổ chức thực hiện việc thành lập mới, tổ chức lại, giải thể các đơn vị phụ thuộc; các chi nhánh, các văn phòng đại diện của công ty sau khi được chủ sở hữu phê duyệt chủ trương; xây dựng phương án tổ chức kinh doanh, quy chế quản lý nội bộ, cơ cấu, biên chế bộ máy quản lý và điều hành Công ty trình Chủ tịch công ty quyết định.

1.7. Xây dựng các phương án huy động vốn có giá trị không vượt quá 50% vốn điều lệ công ty trình Chủ tịch công ty quyết định.

1.8. Đề nghị Chủ tịch công ty báo cáo Chủ sở hữu công ty quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, cách chức, khen thưởng, kỷ luật và các quyền lợi khác đối với Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng; cử người tham gia quản lý phần vốn góp của Công ty tại doanh nghiệp khác.

1.9. Đề nghị Chủ tịch công ty quyết định việc bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, cách chức, khen thưởng, kỷ luật, quyết định mức tiền lương, tiền thưởng và các lợi ích khác đối với Trưởng, phó các phòng, ban, đơn vị phụ thuộc và tương đương của công ty. Khi được Chủ tịch công ty ủy quyền, Tổng Giám đốc ký quyết định bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, cách chức, khen thưởng, kỷ luật, quyết định mức tiền lương, tiền thưởng đối với cấp phó các đơn vị trực thuộc và tương đương. Quyết định tuyển dụng lao động, theo ủy quyền của Chủ tịch tại Khoản 2.13, Mục 2, Điều 20.

1.10. Quyết định việc tuyển dụng, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng lao động; bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, miễn nhiệm, điều động, luân chuyển, cách chức, khen thưởng, xử lý vi phạm kỷ luật, quyết định mức tiền lương, tiền thưởng và các lợi ích khác đối với cấp Phó các phòng, ban, đơn vị phụ thuộc và tương đương của công ty; tuyển dụng lao động, ký hợp đồng lao động, thực hiện chế độ tiền lương, tiền thưởng, xử lý kỷ luật lao động đối với người lao động và các lợi ích khác theo quy định của công ty và pháp luật khi được ủy quyền của Chủ tịch công ty

Kiểm tra, giám sát cán bộ quản lý, nhân viên thuộc các phòng, ban, đơn vị phụ thuộc công ty trong việc thực hiện các nhiệm vụ được giao.

1.11. Xây dựng báo cáo tài chính hàng năm; đề xuất phương án phân phối lợi nhuận sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác của Công ty trình Chủ tịch công ty báo cáo Chủ sở hữu công ty quyết định theo quy định của pháp luật; thực hiện việc công bố công khai các báo cáo tài chính theo quy định của pháp luật.

1.12. Báo cáo Chủ tịch công ty về kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính và các vấn đề khác có liên quan của Công ty theo định kỳ tháng, quý, năm; đề xuất, kiến nghị Chủ tịch công ty xem xét, giải quyết các vấn đề quan trọng khác phát sinh trong quá trình quản lý và điều hành Công ty.

1.13. Tổ chức thực hiện các quyết định của Chủ tịch công ty và Chủ sở hữu công ty.

1.14. Ký kết hợp đồng, nghiệm thu, thanh lý Hợp đồng kinh tế theo ủy quyền của Chủ tịch công ty và theo quy định của pháp luật.

1.15. Chịu sự kiểm tra, giám sát của Chủ sở hữu công ty, Chủ tịch công ty và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

1.16. Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

2. Nghĩa vụ của Tổng Giám đốc công ty.

2.1. Tuân thủ pháp luật, Điều lệ công ty, quyết định của Chủ sở hữu công ty, Chủ tịch công ty trong việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

2.2. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và Chủ sở hữu.

2.3. Trung thành với lợi ích của Công ty và Chủ sở hữu công ty. Không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

2.4. Tổng Giám đốc công ty có nghĩa vụ thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về các doanh nghiệp mà Tổng Giám đốc và người có liên quan (theo quy định của pháp luật) của Tổng Giám đốc làm chủ hoặc có cổ phần, vốn góp chi phối. Thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính và chi nhánh của Công ty.

2.5. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

3. Tiêu chuẩn

Tiêu chuẩn của Tổng Giám đốc công ty thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước và Thành phố về công tác cán bộ.

4. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, xử lý vi phạm và hình thức kỷ luật

4.1. Bổ nhiệm: Tổng Giám đốc công ty do Chủ sở hữu công ty quyết định bổ nhiệm trên cơ sở đề nghị của Chủ tịch công ty. Thời hạn bổ nhiệm là 05 năm. Tổng Giám đốc công ty được xem xét bổ nhiệm lại nếu hoàn thành nhiệm vụ do Chủ tịch công ty giao.

4.2. Miễn nhiệm: Tổng Giám đốc công ty do Chủ sở hữu công ty quyết định miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- Vi phạm pháp luật đến mức bị truy tố hoặc vi phạm các quy định về các trường hợp bị miễn nhiệm;

- Quyết định vượt quá thẩm quyền được quy định trong Điều lệ này và vi phạm các quy định của Nhà nước dẫn đến hậu quả nghiêm trọng đối với hoạt động của công ty;

- Bị mất, hạn chế năng lực hành vi dân sự, xin từ chức hoặc có quyết định điều chuyển, bố trí công tác khác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

4.3. Xử lý vi phạm và hình thức kỷ luật

Chủ sở hữu thực hiện các hình thức kỷ luật như khiển trách, cảnh cáo, hạ bậc lương, cách chức, buộc thôi việc và quyết định mức lương và các lợi ích khác đối với Tổng Giám đốc công ty nếu vi phạm các quy định sau:

- Không nộp, nộp không đầy đủ, không đúng hạn các báo cáo theo quy định của cơ quan có thẩm quyền, của chủ sở hữu; nội dung báo cáo không trung thực, không đầy đủ; không thực hiện chế độ công khai thông tin tài chính đúng thời gian, đúng các nội dung quy định thì bị kỷ luật khiển trách hoặc cảnh cáo tùy theo mức độ vi phạm.

- Không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ các ý kiến chỉ đạo, khuyến nghị, giải pháp của chủ sở hữu và cơ quan quản lý Nhà nước về tài chính doanh nghiệp, để doanh nghiệp bị thua lỗ, mất vốn Nhà nước, hoặc tình hình tài chính của doanh nghiệp lâm vào tình trạng khó khăn, công tác quản lý tài chính của doanh nghiệp yếu kém thì bị kỷ luật hạ bậc lương hoặc buộc thôi việc.

- Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

5. Quyền lợi

Tổng Giám đốc công ty được hưởng tiền lương, tiền thưởng và các lợi ích khác theo quy định hiện hành của Nhà nước và Thành phố.

Điều 22. Kiểm soát viên

1. Chủ sở hữu công ty quyết định bổ nhiệm Kiểm soát viên. Kiểm soát viên chịu trách nhiệm trước pháp luật và Chủ sở hữu về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Thời hạn bổ nhiệm Kiểm soát viên là 03 năm. Kiểm soát viên được xem xét bổ nhiệm lại nếu hoàn thành nhiệm vụ do Chủ sở hữu công ty giao.

2. Kiểm soát viên bị miễn nhiệm theo quy định của pháp luật.

3. Kiểm soát viên không được đồng thời giữ chức vụ quản lý, điều hành công ty hoặc là người có liên quan (theo quy định của pháp luật) đến người quản lý, điều hành công ty (Chủ tịch công ty và Tổng Giám đốc công ty).

4. Kiểm soát viên có các nhiệm vụ sau đây.

4.1 Kiểm tra tính hợp pháp, trung thực, cẩn trọng của Chủ tịch công ty và Tổng Giám đốc trong tổ chức thực hiện quyền Chủ sở hữu công ty trong quản lý điều hành công việc kinh doanh của công ty.

4.2. Thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo đánh giá công tác quản lý và các báo cáo khác trước khi trình Chủ sở hữu công ty hoặc cơ quan nhà nước có liên quan;

4.3. Kiến nghị Chủ sở hữu công ty các giải pháp sửa đổi, bổ sung, cơ cấu tổ chức quản lý, điều hành công việc kinh doanh của công ty.

4.4. Xây dựng quy chế hoạt động của Kiểm soát viên tại Công ty trình Chủ sở hữu phê duyệt.

4.5. Xây dựng chương trình công tác năm trình Chủ sở hữu phê duyệt.

4.6. Các nhiệm vụ khác theo yêu cầu, quyết định của Chủ sở hữu công ty và các quy định khác của pháp luật.

5. Kiểm soát viên có các nghĩa vụ sau đây.

5.1. Tuân thủ pháp luật, Điều lệ công ty, quy định của Chủ sở hữu công ty trong việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao.

5.2. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty và Chủ sở hữu.

5.3. Trung thành với lợi ích của Công ty và Chủ sở hữu công ty. Không sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của công ty, lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.

5.4. Kiểm soát viên có nghĩa vụ thông báo kịp thời, đầy đủ và chính xác cho Công ty về các doanh nghiệp mà Kiểm soát viên hoặc người có liên quan (theo quy định của pháp luật) của Kiểm soát viên làm chủ hoặc có cổ phần, vốn góp chi phối. Thông báo này được niêm yết tại trụ sở chính và chi nhánh của Công ty.

5.5. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

6. Kiểm soát viên có các quyền sau:

6.1. Kiểm soát viên có quyền xem xét bất kỳ hồ sơ, tài liệu nào của Công ty tại trụ sở chính hoặc chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty. Chủ tịch công ty, Tổng Giám đốc và người quản lý khác có nghĩa vụ cung cấp đầy đủ, kịp thời các thông tin về thực hiện quyền Chủ sở hữu công ty, về quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của công ty theo yêu cầu của Kiểm soát viên.

6.2. Kiểm soát viên được cung cấp đầy đủ các thông tin, tài liệu, báo cáo về các nội dung thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch công ty, Tổng Giám đốc có liên quan đến việc điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty và thực hiện các nhiệm vụ khác do chủ sở hữu giao.

6.3. Kiểm soát viên được tham dự các cuộc họp giao ban, họp Ban Tổng giám đốc, họp chuyên đề có liên quan đến việc thực hiện nhiệm vụ của Kiểm soát viên tại công ty. Kiểm soát viên tham dự các cuộc họp có quyền phát biểu nhưng không có quyền biểu quyết, trừ trường hợp quy định tại Khoản 1 Điều 75 Luật Doanh nghiệp.

6.4. Kiểm soát viên được sử dụng con dấu của Công ty cho các văn bản, hồ sơ, tài liệu thuộc phạm vi chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Kiểm soát viên. Công ty phối hợp với Kiểm soát viên xây dựng quy chế sử dụng con dấu bảo đảm phù hợp với quy định pháp luật.

6.5. Kiểm soát viên được đào tạo nghiệp vụ kiểm soát. Trường hợp cần thiết, Kiểm soát viên được quyền yêu cầu tư vấn của các chuyên gia, tổ chức chuyên ngành để phục vụ công tác của Kiểm soát viên sau khi được sự đồng ý bằng văn bản của chủ sở hữu. Chi phí thuê chuyên gia, tổ chức chuyên ngành và chi phí hoạt động khác của Kiểm soát viên thực hiện theo khung mức chi do chủ sở hữu quyết định cụ thể và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

7. Kiểm soát viên phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:

7.1 Có đủ năng lực hành vi dân sự và không thuộc đối tượng bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

7.2. Không phải là người có liên quan (theo quy định của pháp luật) của Chủ tịch công ty, Tổng Giám đốc công ty hoặc người có thẩm quyền trực tiếp bổ nhiệm Kiểm soát viên.

7.3. Có trình độ chuyên môn hoặc kinh nghiệm nghề nghiệp về kế toán, kiểm toán hoặc trình độ chuyên môn, kinh nghiệm thực tế trong ngành, nghề kinh doanh chính của công ty hoặc tiêu chuẩn, điều kiện khác theo quy định của nhà nước và Thành phố.

8. Kiểm soát viên có quyền sử dụng con dấu của Công ty để thực hiện nhiệm vụ do pháp luật và Điều lệ Công ty quy định đối với Kiểm soát viên.

Điều 23. Quan hệ giữa Chủ tịch công ty, Tổng Giám đốc công ty và Kiểm soát viên

1. Khi tổ chức thực hiện các quyết định của Chủ sở hữu và Chủ tịch công ty, nếu phát hiện vấn đề không có lợi cho Công ty thì Tổng Giám đốc công ty trình Chủ tịch công ty để báo cáo Chủ sở hữu công ty xem xét điều chỉnh lại quyết định. Chủ tịch công ty phải xem xét đề nghị của Tổng Giám đốc công ty. Trường hợp Chủ tịch công ty không điều chỉnh lại thì Tổng Giám đốc công ty vẫn phải thực hiện nhưng có quyền bảo lưu ý kiến và kiến nghị lên Chủ sở hữu công ty.

2. Trong thời hạn 5 ngày kể từ ngày kết thúc tháng, 15 ngày kể từ ngày kết thúc quý và 30 ngày kể từ ngày kết thúc năm, Tổng Giám đốc công ty phải gửi báo cáo bằng văn bản về tình hình hoạt động kinh doanh và phương hướng thực hiện trong kỳ tới của công ty cho Chủ tịch công ty.

3. Chủ tịch công ty tham dự các cuộc họp giao ban, các cuộc họp chuẩn bị các đề án trình Chủ tịch công ty hoặc trình Chủ sở hữu công ty do Tổng Giám đốc công ty chủ trì. Trong các cuộc họp này, Chủ tịch công ty dự họp có quyền phát biểu đóng góp ý kiến nhưng không có quyền kết luận cuộc họp.

4. Chủ tịch công ty và Tổng Giám đốc công ty có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi cho Kiểm soát viên thực hiện quyền và nghĩa vụ được quy định tại Điều lệ công ty và các quy định của pháp luật.

Điều 24. Phó Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

1. Phó Tổng Giám đốc.

1.1. Phó Tổng Giám đốc là người giúp Chủ tịch và Tổng Giám đốc công ty điều hành một hoặc một số lĩnh vực hoạt động của công ty theo phân công của Chủ tịch và Tổng Giám đốc. Phó Tổng Giám đốc công ty chịu trách nhiệm trước Chủ tịch và Tổng Giám đốc và pháp luật về nhiệm vụ được phân công.

1.2. Tiêu chuẩn Phó Tổng Giám đốc công ty thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước và Thành phố về công tác cán bộ.

1.3. Bổ nhiệm, miễn nhiệm:

- Bổ nhiệm: Phó Tổng Giám đốc do Chủ sở hữu công ty quyết định bổ nhiệm trên cơ sở đề nghị của Chủ tịch công ty. Thời hạn bổ nhiệm là 05 năm. Phó Tổng Giám đốc được xem xét bổ nhiệm lại nếu hoàn thành nhiệm vụ do Chủ tịch và Tổng Giám đốc công ty giao.

- Miễn nhiệm: Phó Tổng Giám đốc do Chủ sở hữu công ty quyết định miễn nhiệm trên cơ sở đề nghị của Chủ tịch công ty trong các trường hợp sau:

+ Vi phạm pháp luật đến mức bị truy tố hoặc vi phạm các quy định về các trường hợp bị miễn nhiệm;

+ Bị mất, hạn chế năng lực hành vi dân sự, xin từ chức hoặc có quyết định điều chuyển, bố trí công tác khác của cơ quan nhà nước có thẩm quyền;

+ Không trung thực trong thực thi các quyền hạn hoặc lạm dụng quyền hạn để thu lợi cho bản thân hoặc cho người khác, tiết lộ bí mật gây thiệt hại cho công ty;

+ Không hoàn thành nhiệm vụ tổ chức điều hành sản xuất kinh doanh do Tổng Giám đốc công ty phân công dẫn đến Công ty không hoàn thành nhiệm vụ chỉ tiêu phát triển hàng năm mà Công ty đã quyết định;

+ Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

1.4. Quyền lợi:

Phó Tổng giám đốc công ty được hưởng tiền lương, tiền thưởng và các lợi ích khác theo quy định hiện hành của Nhà nước và Thành phố.

2. Kế toán trưởng.

2.1. Kế toán trưởng: Kế toán trưởng công ty là người giúp Chủ tịch, Tổng Giám đốc công ty quản lý, kiểm tra, giám sát, hướng dẫn nghiệp vụ về tài chính, kế toán của công ty theo quy định của Nhà nước. Kế toán trưởng chịu trách nhiệm trước Chủ tịch, Tổng Giám đốc công ty và pháp luật về nhiệm vụ được phân công.

2.2. Tiêu chuẩn: Kế toán trưởng công ty thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước và Thành phố về công tác cán bộ.

2.3. Bổ nhiệm, miễn nhiệm:

- Bổ nhiệm: Kế toán trưởng công ty do Chủ sở hữu công ty quyết định bổ nhiệm trên cơ sở đề nghị của Chủ tịch công ty. Thời hạn bổ nhiệm là 05 năm. Kế toán trưởng được xem xét bổ nhiệm lại nếu hoàn thành nhiệm vụ được giao ở nhiệm kỳ trước.

- Miễn nhiệm: Kế toán trưởng công ty do Chủ sở hữu công ty quyết định miễn nhiệm theo đề nghị của Chủ tịch công ty trong các trường hợp sau:

- + Vi phạm pháp luật đến mức bị truy tố hoặc vi phạm các quy định về các trường hợp bị miễn nhiệm;
- + Quyết định vượt quá thẩm quyền được quy định trong quy chế tài chính của công ty và vi phạm các quy định của Nhà nước dẫn đến hậu quả nghiêm trọng đối với hoạt động tài chính của công ty;
- + Bị mất, hạn chế năng lực hành vi dân sự, xin từ chức hoặc có quyết định điều chuyển, bố trí công tác khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền;
- + Không trung thực trong thực thi các quyền hạn hoặc lạm dụng quyền hạn để thu lợi bản thân hoặc cho người khác, tiết lộ bí mật gây thiệt hại cho công ty. Báo cáo không trung thực tài chính công ty từ hai (02) lần trở lên hoặc một (01) lần nhưng làm sai lệch nghiêm trọng tình hình tài chính của công ty;
- + Không hoàn thành nhiệm vụ do Chủ tịch công ty, Tổng Giám đốc công ty phân công, dẫn đến Công ty không hoàn thành nhiệm vụ, chỉ tiêu, kế hoạch sản xuất kinh doanh được Chủ sở hữu công ty giao;
- + Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

2.4. Quyền lợi:

Kế toán trưởng công ty được hưởng tiền lương, tiền thưởng và các lợi ích khác theo quy định hiện hành của Nhà nước và Thành phố.

Điều 25. Các phòng, ban chuyên môn và đơn vị phụ thuộc công ty

1. Các phòng ban chuyên môn và đơn vị phụ thuộc công ty có chức năng tham mưu giúp việc cho Chủ tịch công ty và Tổng Giám đốc công ty trong công tác quản lý điều hành SXKD theo nhiệm vụ được phân công và chịu trách nhiệm trước Chủ tịch, Tổng Giám đốc công ty và pháp luật về nhiệm vụ được giao.

2. Trong quá trình hoạt động, tùy theo yêu cầu phát triển sản xuất kinh doanh Tổng Giám đốc công ty xây dựng phương án thành lập thêm một số phòng, ban, đơn vị phụ thuộc để trình Chủ tịch công ty quyết định.

CHƯƠNG V

QUẢN LÝ VỐN NHÀ NƯỚC ĐẦU TƯ VÀO DOANH NGHIỆP KHÁC

Điều 26. Vốn của nhà nước tại doanh nghiệp

1. Vốn đầu tư trực tiếp từ ngân sách nhà nước.
2. Các quỹ tập trung của nhà nước khi thành lập doanh nghiệp và bổ sung trong quá trình hoạt động kinh doanh.
3. Các khoản phải nộp ngân sách được trích để lại.
4. Nguồn quỹ đầu tư phát triển tại doanh nghiệp.
5. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp, vốn nhà nước được tiếp nhận từ nơi khác chuyển đến.
6. Giá trị quyền sử dụng đất, quyền sử dụng tài nguyên quốc gia được nhà nước giao và ghi tăng vốn nhà nước trong doanh nghiệp.
7. Các tài sản khác theo quy định của pháp luật được nhà nước giao cho doanh nghiệp.

Điều 27. Quyền, trách nhiệm của chủ sở hữu đối với phần vốn nhà nước đầu tư vào doanh nghiệp khác

1. Quyết định quyền của cổ đông, thành viên góp vốn, bên liên doanh theo quy định của pháp luật và điều lệ của doanh nghiệp khác.

2. Cử, bãi miễn, khen thưởng, kỷ luật Người đại diện tại doanh nghiệp khác, quyết định tiền lương, phụ cấp, tiền thưởng và các vấn đề đãi ngộ đối với Người đại diện, trừ trường hợp Người đại diện đã được hưởng lương từ doanh nghiệp khác.

3. Yêu cầu Người đại diện báo cáo định kỳ hoặc đột xuất tình hình kết quả kinh doanh, tình hình tài chính của doanh nghiệp khác.

4. Giao nhiệm vụ và chỉ đạo Người đại diện bảo vệ quyền lợi, lợi ích hợp pháp của Nhà nước tại doanh nghiệp khác. Yêu cầu Người đại diện báo cáo việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của Người đại diện, nhất là trong việc định hướng doanh nghiệp có cổ phần, vốn góp chi phối để thực hiện các mục tiêu, chiến lược của Nhà nước; có ý kiến bằng văn bản khi Người đại diện xin ý kiến.

5. Quyết định theo thẩm quyền việc đầu tư tăng vốn hoặc thu hồi vốn đầu tư vào doanh nghiệp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ của doanh nghiệp khác.

6. Kiểm tra, giám sát hoạt động của Người đại diện, phát hiện những thiếu sót, yếu kém của Người đại diện để ngăn chặn, xử lý và chấn chỉnh kịp thời.

7. Giám sát việc thu hồi đầu tư vào doanh nghiệp khác, việc thu lợi nhuận được chia từ doanh nghiệp khác.

8. Chịu trách nhiệm về hiệu quả sử dụng, bảo toàn và phát triển vốn đầu tư.

9. Thực hiện các quyền, trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

Điều 28. Quyền, trách nhiệm của Người đại diện quản lý phần vốn

1. Người đại diện thực hiện quyền, trách nhiệm của chủ sở hữu vốn Nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp khác có trách nhiệm tuân thủ pháp luật; thực hiện đúng các nhiệm vụ được chủ sở hữu giao khi quyết định các vấn đề nêu tại điều 28 của Điều lệ này. Kịp thời báo cáo cho chủ sở hữu về tình hình doanh nghiệp hoạt động thua lỗ, không đảm bảo khả năng thanh toán, không hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ do chủ sở hữu giao hoặc những trường hợp sai phạm khác.

2. Người đại diện phải xin ý kiến chủ sở hữu bằng văn bản trước khi tham gia ý kiến, biểu quyết và quyết định tại các kỳ họp Đại hội đồng cổ đông, các cuộc họp của Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên về ngành nghề kinh doanh, mục tiêu, nhiệm vụ, chiến lược, kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư phát triển; việc tổ chức lại, giải thể, phá sản; ban hành điều lệ, sửa đổi, bổ sung điều lệ; việc tăng hoặc giảm vốn điều lệ; đề cử đề bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, khen thưởng, xử lý vi phạm đối với thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc; phân phối lợi nhuận và trích lập, sử dụng các quỹ, chia cổ tức hàng năm.

3. Trên cơ sở báo cáo tài chính và các báo cáo khác của doanh nghiệp được cử làm Người đại diện, định kỳ hàng quý và kết thúc năm tài chính hoặc đột xuất theo yêu cầu của chủ sở hữu, Người đại diện phải tổng hợp, đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh, tài chính, kiến nghị các biện pháp xử lý, tháo gỡ khó khăn nhằm nâng cao hiệu quả vốn của Nhà nước đầu tư tại doanh nghiệp khác báo cáo chủ sở hữu vốn.

4. Người đại diện khi được quyền mua cổ phần phát hành thêm, trái phiếu chuyển đổi theo quyết định của công ty cổ phần (trừ trường hợp được mua theo quyền của cổ đông hiện hữu) thì phải báo cáo bằng văn bản cho chủ sở hữu. Chủ sở hữu vốn quyết định bằng văn bản số lượng cổ phần Người đại diện được mua theo mức độ đóng góp và kết quả thực hiện nhiệm vụ của người đại diện. Phần còn lại thuộc quyền mua của chủ sở hữu vốn.

5 Người đại diện chuyên trách trong ban quản lý điều hành trong doanh nghiệp khác được hưởng lương, phụ cấp trách nhiệm (nếu có), tiền thưởng và các quyền lợi khác quy định tại Điều lệ doanh nghiệp đó và do doanh nghiệp đó trả theo quy định của pháp luật.

Điều 29. Tiêu chuẩn và điều kiện của người đại diện quản lý phần vốn

Người được cử làm đại diện quản lý phần vốn tại các doanh nghiệp khác phải đáp ứng đủ các tiêu chuẩn và điều kiện quy định của Nhà nước và Thành phố về công tác cán bộ.

CHƯƠNG VI

QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA NGƯỜI LAO ĐỘNG

Điều 30. Quyền của người lao động

1. Người lao động có quyền tham gia quản lý công ty thông qua các hình thức sau:

1.1. Hội nghị toàn thể hoặc hội nghị đại biểu công nhân viên chức, lao động công ty.

1.2. Tổ chức công đoàn công ty.

1.3. Ban Thanh tra nhân dân của công ty.

1.4. Thực hiện quyền kiến nghị, khiếu nại, tố cáo theo quy định của pháp luật.

2. Người lao động hoặc đại diện của người lao động có quyền tham gia thảo luận, góp ý kiến trước khi Chủ tịch công ty quyết định hoặc đề xuất Chủ tịch công ty, Chủ sở hữu công ty quyết định các vấn đề sau:

2.1. Phương hướng, nhiệm vụ, kế hoạch, biện pháp phát triển sản xuất kinh doanh, sắp xếp lại sản xuất, bố trí lại lao động của công ty.

2.2. Chuyển đổi sở hữu công ty.

2.3. Các nội quy, quy chế của công ty liên quan trực tiếp đến quyền lợi và nghĩa vụ của người lao động theo quy định của pháp luật.

2.4. Các biện pháp bảo hộ lao động, cải thiện điều kiện làm việc, đời sống vật chất và tinh thần, vệ sinh môi trường, đào tạo và đào tạo lại người lao động.

2.5. Bỏ phiếu thăm dò tín nhiệm đối với các chức danh Chủ tịch công ty, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kiểm soát viên, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý khác khi có yêu cầu.

3. Ngoài ra người lao động trong công ty còn được thảo luận các vấn đề sau:

3.1. Nội dung hoặc bổ sung, sửa đổi nội dung thỏa ước lao động tập thể và quy chế trả lương của công ty. Được cử người đại diện tập thể người lao động để thương lượng và ký kết thỏa ước lao động tập thể đối với Chủ tịch công ty.

3.2. Quy chế sử dụng các quỹ phúc lợi, khen thưởng, quy chế trả lương và các quy chế khác của công ty có liên quan trực tiếp đến nghĩa vụ và quyền lợi của người lao động phù hợp với các quy định của pháp luật.

3.3. Chương trình hoạt động và đánh giá kết quả hoạt động của Ban Thanh tra nhân dân công ty.

3.4. Bầu thanh tra nhân dân công ty.

4. Các quyền khác theo quy định của pháp luật.

Điều 31. Nghĩa vụ của người lao động

1. Người lao động phải có nghĩa vụ thực hiện hợp đồng lao động đã ký với Chủ tịch công ty hoặc người được Chủ tịch công ty ủy quyền, thực hiện nội quy lao động, thỏa ước lao động tập thể và các quy định khác có liên quan đến lao động được hội nghị công nhân viên chức lao động công ty thông qua.

2. Người lao động phải thường xuyên học tập, nâng cao trình độ chuyên môn, tay nghề để hoàn thành công việc được giao.

3. Chấp hành chủ trương, chính sách pháp luật của Nhà nước, Thành phố và công ty về sắp xếp, tổ chức lại sản xuất kinh doanh, bố trí sắp xếp lại lao động phù hợp với phương án sản xuất kinh doanh của công ty.

4. Thực hiện các nghĩa vụ khác theo quy định hiện hành của Bộ Luật lao động và các quy định hợp pháp của công ty.

CHƯƠNG VII QUẢN LÝ TÀI CHÍNH CỦA CÔNG TY

Điều 32. Quản lý tài chính.

Cơ chế hoạt động tài chính của công ty TNHH một thành viên Đầu tư Phát triển thủy lợi Sông Nhuệ thực hiện theo Quy chế quản lý tài chính do Chủ sở hữu công ty phê duyệt và các quy định hiện hành của pháp luật.

CHƯƠNG VIII TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ, PHÁ SẢN CÔNG TY

Điều 33. Tổ chức lại công ty.

Các hình thức tổ chức lại công ty bao gồm: sáp nhập, hợp nhất, chia, tách và các hình thức khác theo quy định của pháp luật.

Việc tổ chức lại Công ty TNHH một thành viên Đầu tư Phát triển thủy lợi Sông Nhuệ do Chủ sở hữu công ty quyết định; hoặc theo đề nghị của Chủ tịch công ty trên cơ sở chủ trương, quy định hiện hành của Nhà nước và Thành phố về sắp xếp tổ chức lại doanh nghiệp nhà nước.

Điều 34. Chuyển đổi công ty

Công ty phải chuyển đổi sang hình thức pháp lý khác khi:

1. Chủ sở hữu công ty chuyển một phần vốn Điều lệ của công ty cho tổ chức, cá nhân khác, khi đó công ty trở thành Công ty TNHH hai thành viên trở lên.

2. Chủ sở hữu công ty chuyển toàn bộ vốn điều lệ của công ty cho tổ chức khác.

3. Chủ sở hữu công ty giao cho tập thể người lao động, cổ phần hóa công ty, chuyển đổi thành Công ty TNHH nhiều thành viên. Trình tự, thủ tục chuyển đổi công ty thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước và Thành phố.

Điều 35. Giải thể công ty

1. Công ty bị giải thể trong các trường hợp sau:

1.1. Công ty kinh doanh thua lỗ kéo dài nhưng chưa lâm vào tình trạng mất khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn.

1.2. Công ty không thực hiện nhiệm vụ do nhà nước quy định sau khi đã áp dụng các biện pháp cần thiết.

1.3. Việc duy trì các hoạt động của công ty là không cần thiết.

1.4. Trường hợp khác, Chủ sở hữu công ty xem xét quyết định trên cơ sở đề nghị của Chủ tịch công ty.

2. Trình tự, thủ tục giải thể được thực hiện theo quy định hiện hành của Nhà nước và Thành phố.

Điều 36. Phá sản công ty

Thực hiện theo quy định của pháp luật về Phá sản.

CHƯƠNG IX SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ

Điều 37. Quyền tiếp cận sổ sách và hồ sơ

1. Định kỳ hàng năm Chủ tịch công ty có trách nhiệm báo cáo Chủ sở hữu công ty và các cơ quan nhà nước có liên quan những tài liệu theo quy định của pháp luật.

2. Trong trường hợp đột xuất Chủ sở hữu công ty có quyền yêu cầu bằng văn bản Chủ tịch công ty cung cấp hồ sơ, tài liệu nào liên quan đến việc tổ chức thực hiện của quyền Chủ sở hữu công ty quy định tại Điều lệ này.

3. Chủ tịch công ty cung cấp hồ sơ, tài liệu theo yêu cầu của Chủ sở hữu công ty. Chủ tịch công ty được Tổng Giám đốc công ty cung cấp hồ sơ, tài liệu chuẩn bị cho cuộc họp thường kỳ của công ty. Chủ tịch công ty có quyền yêu cầu Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, các cán bộ quản lý của công ty cung cấp hồ sơ, tài liệu liên quan đến tổ chức thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch công ty.

4. Chủ tịch công ty là người chịu trách nhiệm tổ chức việc lưu giữ và bảo mật hồ sơ, tài liệu của Công ty.

5. Người lao động trong công ty có quyền tìm hiểu thông tin về công ty thông qua Hội nghị công nhân viên chức và Ban Thanh tra nhân dân.

Điều 38. Công khai thông tin

1. Chủ tịch công ty là người thực hiện các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty về công khai thông tin và chịu trách nhiệm về việc thực hiện các quy định này. Bộ phận lưu giữ hồ sơ tài liệu của công ty chỉ được cung cấp thông tin ra bên ngoài theo quyết định của Chủ tịch công ty hoặc người được Chủ tịch công ty ủy quyền.

2. Biểu mẫu, nội dung và nơi gửi thông tin thực hiện theo các quy định của pháp luật.

3. Trường hợp có yêu cầu thanh tra, kiểm tra của các cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền, Chủ tịch công ty là người chịu trách nhiệm tổ chức cung cấp thông tin theo quy định pháp luật về thanh tra, kiểm tra.

CHƯƠNG X

GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 39. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Việc giải quyết tranh chấp nội bộ của Công ty TNHH một thành viên Đầu tư Phát triển thủy lợi Sông Nhuệ được căn cứ theo Điều lệ này trên nguyên tắc hoà giải theo quy định của pháp luật.

2. Trường hợp giải quyết tranh chấp theo Điều lệ này không được các bên chấp thuận thì bất kỳ bên nào cũng có quyền đưa ra các cơ quan có thẩm quyền giải quyết tranh chấp để giải quyết.

Điều 40. Sửa đổi bổ sung điều lệ

Trường hợp cần bổ sung, sửa đổi Điều lệ này Chủ tịch công ty đề nghị Chủ sở hữu công ty xem xét, quyết định

CHƯƠNG XI

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 41. Hiệu lực và phạm vi thi hành

1. Điều lệ này gồm 11 Chương và 41 Điều, là cơ sở pháp lý cho tổ chức và hoạt động của Công ty TNHH một thành viên Đầu tư Phát triển thủy lợi Sông Nhuệ. Tất cả các cá nhân, các đơn vị phụ thuộc của công ty có trách nhiệm thi hành Điều lệ này.

2. Điều lệ này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký và thay thế điều lệ được ban hành tại Quyết định số 3748/QĐ-UBND ngày 30 tháng 7 năm 2010 của UBND thành phố Hà Nội về việc phê duyệt Điều lệ Tổ chức và hoạt động công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Đầu tư Phát triển thủy lợi Sông Nhuệ;

3. Các đơn vị phụ thuộc của công ty căn cứ vào các quy định của pháp luật tương ứng với hình thức pháp lý của mình và Điều lệ này để xây dựng Quy chế hoạt động của mình trình Chủ tịch công ty phê duyệt.

Quy chế hoạt động của các đơn vị phụ thuộc công ty không được trái với Điều lệ này./. *an Rlt*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN



**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Doãn Toàn